TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 02/2018/HNGĐ-PT
Ngày: 07-3-2018
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Vân

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Văn Son

Bà Đặng Thị Đồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Hồng Thảo Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh: Ông Võ Phu – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/18/TLPT-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2018 về việc *"Tranh chấp ly hôn"*.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 56/2017/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân huyện B, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 05/2018/QĐ-PT, ngày 21 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị B, sinh năm: 1991; Địa chỉ cư trú: Ấp V, xã A, huyện B, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Đặng Phương T, sinh năm: 1985; Địa chỉ cư trú: Ấp V, xã A, huyện B, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Do có đơn kháng cáo của Anh Đặng Phương T là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 9 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và Anh Đặng Phương T có được người thân giới thiệu và tự tìm hiểu một thời gian rồi tiến đến hôn nhân. Gia đình hai bên tổ chức cưới vào năm 2014 (không nhớ ngày tháng), hôn nhân tự nguyện, hai anh chị có đăng ký kết hôn và được UBND xã A, huyện B, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 17- 9- 2014. Trong thời gian chung sống hai anh chị thường xuyên mâu thuẫn nguyên nhân do anh T khó khăn, kiểm soát về tiền bạc, không cho chị tham gia vào việc gia đình chồng vì cho rằng việc nhà của anh không liên quan đến chị. Giữa chị với mẹ chồng và chị chồng ở gần nhà có nhiều lần muân thuẫn nên không thể chung sống. Hai anh chị ly thân từ ngày 13/9/2017, trong thời gian ly thân thì giữa chị và chị chồng đã xảy ra xô xát tại nhà của anh T. Chị đến nhà anh T để thăm và rước con nhiều lần bị gia đình chồng ngăn cản, chửi bới. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị với anh T và gia đình anh T nghiêm trọng, chị và anh T không còn tình cảm nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh T ly hôn.

Về con chung: Chị xác định giữa chị và anh T có 01 con chung tên Đặng Ngọc V, sinh ngày 11-7-2015 hiện đang sống chung với anh T từ khi ly thân cho đến nay, trong thời gian ly thân chị đến thăm rước con thì anh T và gia đình anh T nhiều lần ngăn cản nên xảy ra xô xát, chị có nhờ chính quyền địa phương xác nhận, không phải chị bỏ con không chăm sóc. Về điều kiện nuôi con, tuy thu nhập chị thấp hơn anh T nhưng vẫn đảm bảo nuôi con tốt, chỗ ở của bản thân cùng gia đình ổn định, cũng gần trường học. Hiện tại con gái của chị còn quá nhỏ (28 tháng tuổi) nên để đảm bảo quyền và nghĩa vụ của chị đối với con chung khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung, chị cam kết không ngăn cản việc anh T thăm nom con chung.

Về tài sản chung: Theo đơn khởi kiện ngày 27-9-2017 chị trình bày tài sản chung yêu cầu chia gồm có 02 chỉ vàng 18K, 05 chỉ vàng cưới 24K và 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng chị chồng của chị là Đặng Thị T nợ vợ chồng chị. Chị yêu cầu được hưởng 1/2 tài sản chung. Trong quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản ghi lời khai ngày 24-10-2017 chị xác định số tiền chị T nợ 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng chị T đã thỏa thuận việc trả nợ, hai anh chị đã tự chia xong, không yêu cầu giải quyết. Về tài sản là 02 chỉ vàng 18K chị không có gì chứng minh anh T đang giữ số vàng này nên chị không yêu cầu chia. Tại phiên tòa, chị xác định tài sản chung của vợ chồng hiện có 05 chỉ vàng cưới 24K do anh T đang giữ. Trị giá số vàng này là 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng. Chị yêu cầu anh T chia cho chị 1/2 trị giá bằng tiền là 7.500.000 (bảy triệu năm trăm nghìn) đồng. Chị không có yêu cầu gì khác.

Về nợ chung: Chị xác định chị và anh T không có nợ chung.

Bị đơn - Anh Đặng Phương T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về cơ sở hôn nhân, thời gian chung sống, ly thân, như chị B trình bày như trên là đúng. Sau khi kết hôn, anh và chị B chung sống tại nhà của gia đình anh, trong thời gian chung sống anh và chị B có nhiều mâu thuẫn do chị B cho rằng anh khắt khe, vợ chồng cãi vả chị B tự ý bỏ về nhà mẹ ruột mà không báo với anh và gia đình anh. Trong thời gian ly thân anh có khuyên chị B

hàn gắn nhưng chị B không đồng ý. Giữa chị B với gia đình anh có nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được. Hiện giữa anh và chị B không còn tình cảm, không mong muốn đoàn tụ. Do đó, anh cũng đồng ý ly hôn với chị B.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Đặng Ngọc V, sinh ngày 11/7/2015. Thời gian ly thân cháu V sống với anh cho đến nay. Anh yêu cầu được nuôi con bởi vì về điều kiện nuôi con của anh tốt hơn chị B: Anh có thu nhập cao hơn chị B, con anh sống với anh và ông bà nội đã quen, chỗ ở gần trường học, còn chị B ở nhà mẹ vợ thì xa trường và điều kiện sống không tốt, hiện tại chị B và mẹ vợ đang ở trọ để đi làm nên không chăm sóc tốt cho con được. Khi anh nuôi con chung anh đồng ý cho chị B thăm con tại nhà anh, nhưng không chấp nhận cho chị B rước con đi. Anh không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh thống nhất với trình bày của chị B là đối với số tiền chị T nợ, chị T đã thỏa thuận việc trả nợ với vợ chồng anh, anh và chị B đã thỏa thuận tự chia nên anh chị không tranh chấp, không yêu cầu nghĩa vụ gì đối với vợ chồng chị T. Đối với 05 chỉ vàng 24K trị giá 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng hiện anh đang giữ là tài sản chung của vợ chồng, trong quá trình giải quyết anh không đồng ý chia cho chị B, nhưng tại phiên Tòa anh đồng ý chia cho chị B hưởng 1/2 số vàng trên trị giá là 7.500.000 (bảy triệu năm trăm nghìn) đồng và giao cho chị B số tiền 7.500.000 (bảy triệu năm trăm nghìn) đồng theo yêu cầu của chị B. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Về nợ chung: Anh xác định vợ chồng không có nợ chung.

Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 56/2017/HNGĐ-ST ngày 26/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh đã tuyên xử:

Căn cứ các Điều 29, 33, 56, 59, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị B với anh Anh Đặng Phương T. Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị B với Anh Đặng Phương T.

2. Về con chung: Giao cháu Đặng Ngọc V, sinh ngày 11/7/2015 cho chị Lê Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Đặng Phương T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3.Về tài sản chung: Ghi nhận chị Lê Thị B và Anh Đặng Phương T thống nhất thỏa thuận: Giao anh T sở hữu 05 chỉ 24K trị giá 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng anh T đang giữ; Anh T có nghĩa vụ giao số tiền: 7.500.000 (bảy triệu năm trăm nghìn) đồng cho cho chị B hưởng. Ngoài ra không có tài sản gì khác.

4.Về nợ chung: Chị Lê Thị B và Anh Đặng Phương T xác định không có, nên không xem xét giải quyết.

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 04/01/2018, Anh Đặng Phương T có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng giao con chung là cháu Đặng Ngọc V cho anh chăm sóc nuôi dưỡng.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa có ý kiến như sau:*

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng những quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Anh Đặng Phương T. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm số 56 ngày 26/12/2017 của TAND huyện B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị B và anh T kết hôn trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, đã thực hiện đăng ký kết hôn và được UBND xã A cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 17-9-2014 đúng theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Trong thời gian chung sống hai anh chị thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng giữa gia đình anh T với chị B, dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn kéo dài, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đến 13/9/2017, hai anh chị sống ly thân với nhau.

[2] Xét kháng cáo của anh T thấy rằng: Qua các tài liệu chứng cứ thu thập tại cấp sơ thẩm, chị B và anh T đều sống tại nhà của cha mẹ ruột của mình khi ly thân, khi nuôi con chung hai anh chị đều nhờ cha mẹ hỗ trợ đưa rước con chung, nơi cư trú của cha mẹ hai anh chị đều có trường học nên đều kiện học hành của cháu V đều được đảm bảo như nhau. Thấy rằng, cháu V còn nhỏ (dưới 30 tháng tuổi) lại là nữ, rất cần sự trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục của người mẹ để đảm bảo sự phát triển toàn diện về tâm sinh lý của trẻ. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm giao cháu V cho chị B trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Xét thấy, đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh không chấp nhận kháng cáo của Anh Đặng Phương T là có căn cứ.

Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Anh Đặng Phương T, chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 56/2017/HNGĐ-ST ngày 26/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ vào Khoản 1, Điều 29 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/206 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Anh Đặng Phương T phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Anh Đặng Phương T về việc "*Tranh chấp ly hôn*".

Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình số 56/2017/HNGĐ-ST ngày 26/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ các Điều 29, 33, 56, 59, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị B với anh Anh Đặng Phương T.

Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị B với Anh Đặng Phương T.

2. Về con chung: Giao cháu Đặng Ngọc V, sinh ngày 11/7/2015 cho chị Lê Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Đặng Phương T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3.Về tài sản chung: Ghi nhận chị Lê Thị B và Anh Đặng Phương T thống nhất thỏa thuận: Giao anh T sở hữu 05 chỉ 24K trị giá 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng anh T đang giữ; Anh T có nghĩa vụ giao số tiền: 7.500.000 (bảy triệu năm trăm nghìn) đồng cho cho chị B hưởng . Ngoài ra không có tài sản gì khác.

4.Về nợ chung: Chị Lê Thị B và Anh Đặng Phương T xác định không có, nên không xem xét giải quyết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

5. Về án phí:

Án phí sơ thẩm: Chị Lê Thị B phải chịu 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình và 375.000 đồng án phí chia tài sản, tổng cộng là 525.000 (năm trăm hai mươi lăm nghìn) đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị Bầu đã nộp 937.500 (chín trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm) đồng theo biên lai số 0020982 ngày 03/10/2017 và Biên lai thu số 0021120 ngày 01/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Tây Ninh. Hoàn trả cho chị B 412.500 (bốn trăm mười hai nghìn năm trăm) đồng.

Anh Đặng Phương T phải chịu 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí sơ thẩm xin ly hôn và 375.000 (ba trăm bảy mươu lăm nghìn) đồng án phí chia tài sản, tổng cộng là 525.000 (năm trăm hai mươi lăm nghìn) đồng.

Án phí phúc thẩm: Anh Đặng Phương T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng anh T đã nộp theo biên lai thu số 0021239 ngày 11/01/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B. Ghi nhận đã nộp xong.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV và THA TAT;
- VKS tỉnh Tây Ninh;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Hồng Vân

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Tây Ninh;*
- *TAND cấp huyện;*
- *THADS cấp huyện;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu tập án./.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Hồng Vân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Son **Lâm Văn Be** **Phạm Thị Hồng Vân**